

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST

Ngày: 29-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ
Bà Đào Thị Luyện

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Văn T**, sinh năm 1992. Giới tính: nam; ĐKKHKT và nơi cư trú: xóm C, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn K, sinh năm 1962; con bà Đinh Thị H, sinh năm 1964; Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; sống chung với Nguyễn Thị T sinh năm 1993, chưa đăng ký kết hôn; Có 02 con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 02-4-2016 Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây thương tích cho người khác. Bị bắt tạm giữ từ ngày 19-12-2019. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn H**, sinh năm 1987. Giới tính: nam; ĐKKHKT và nơi cư trú: Đội 7 xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1955; con bà Nguyễn Thị M, sinh năm

1955; Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; vợ: Trịnh Thị H, sinh năm 1988; Có 03 con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không. Tạm giữ từ ngày 19-12-2019 đến ngày 27-12-2019. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1964.

Trú tại: xóm C, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Công ty T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N – Tổng giám đốc công ty T.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đoàn Hữu S – Nhân viên xử lý nợ công ty T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 10' ngày 19-12-2019, tổ công tác phòng PC02 Công an tỉnh Nam Định làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố Non Côi, thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định phát hiện bắt quả tang Trịnh Văn T và Phạm Văn H có hành vi vận chuyển 02 thùng bìa cát tông. Kiểm tra bên trong, mỗi thùng bìa cát tông có chứa 05 hộp chữ nhật kích thước (14,5x14,5x15)cm, có mặt dán giấy màu vàng, có mặt dán giấy màu nâu đất, bốn mặt xung quanh có nhiều màu in chữ dạng chữ Trung Quốc. T và H khai nhận là pháo giàn vừa mua.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Văn T, Phạm Văn H khai nhận: Năm 2017 T có quen biết thanh niên tên Tiến (nhưng không rõ lai lịch) sau đó có cho số điện thoại của nhau để liên lạc. Ngày 17-12-2019, Tiến dùng số điện thoại 03565822199 gọi vào số điện thoại của T là 08988744707 hỏi “Tôi có pháo hoa đây, bạn có lấy pháo chơi tết không”, T trả lời “Có, bạn để cho tôi mấy giàn tôi đốt, pháo của bạn là pháo gì? Có đắt không?”; Tiến nói “Có pháo giàn 36 quả, tôi để cho bạn 500.000đồng/giàn. T đồng ý và nói muốn mua 10 giàn nhưng chưa có tiền ngay, T thống nhất với Tiến sẽ trả tiền sau. Tiến đồng ý và nói khi nào có pháo sẽ gọi cho T. Khoảng 12 giờ ngày 19-12-2019, T sử dụng số điện thoại 08988744707 gọi điện cho anh rể là Phạm Văn H dặn H chiều ở nhà khi nào T đến thì đi chở pháo về, H đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T gọi vào số điện thoại 03565822199 của Tiến để lấy pháo thì Tiến hẹn T chờ ở ngã tư đèn xanh đèn đỏ thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản. T điều khiển xe mô tô Wave α BKS: 18D1-55.555 đến nhà H rủ H và nói rõ cho H biết là đi đến Gôi chở ít pháo về. Vì T biết xe máy của H có giá chở hàng đáng sau nên rủ H đi cùng sẽ

để chờ hơn. Khi đến nhà H chỉ có một mình H ở nhà, T nói “Anh lên Gôi chờ hộ em ít đồ”, H hỏi “Chờ cái gì”, T nói “Em mua ít pháo về đốt”, H hỏi “pháo gì”, T trả lời “Em mua mấy giàn pháo về đốt”, H đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Angel có BKS:18F3-3620 cùng đi lấy pháo. Đến khu vực ngã tư thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, T dùng số điện thoại 08988744707 gọi vào số 03565822199 của Tiến, theo chỉ dẫn của Tiến, T gặp Tiến tại khu vực Gôi gần trường bắn huyện Vụ Bản thì dừng lại, lúc này Tiến cũng vừa đi xe máy tới. Tiến nói: “Pháo kìa” và chỉ tay về phía 02 thùng cát tông, T nhìn theo hướng Tiến chỉ thì thấy 02 thùng cát tông, T hiểu trong đó có chứa pháo. Liên lúc này H đi theo sau tới, T chỉ tay về phía 02 thùng cát tông dựng pháo bảo H “Chờ về nhà em đi”, H hiểu ý T nên bê 02 thùng cát tông lên giá đỡ trên yên xe máy của mình, dùng dây co buộc lại để chờ về nhà. Khi cả hai quay xe về đến khu vực gần ngã tư thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định thì bị tổ công tác phát hiện, bắt quả tang.

Kết luận giám định số 1189/KTHS ngày 21-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu gửi giám định là pháo, có đặc tính của pháo nổ (chứa thuốc pháo và khi đốt có gây ra tiếng nổ), tổng khối lượng là 14,82kg.

Căn cứ lời khai của T chưa đủ thông tin để xác minh Tiến. Xác minh số điện thoại 0365822199 có tên chủ thuê bao là Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1999, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Công an thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam cung cấp: Tiến hành rà soát nhân hộ khẩu trên địa bàn quản lý, xác định không có người có tên, tuổi, địa chỉ nêu trên. Cơ quan CSĐT tách phần T liệu liên quan đến Tiến để tiếp tục xác minh xử lý sau.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS-P3 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố bị can Trịnh Văn T và Phạm Văn H về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Bị cáo Trịnh Văn T và Phạm Văn H về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 (đối với H) Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trịnh Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Phạm Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời

gian thử thách gấp đôi.

Do gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt tiền bổ sung cho các bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào các T liệu, chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập. Căn cứ lời khai nhận của bị cáo Trịnh Văn T, Phạm Văn H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, T liệu bị tạm giữ; Bản kết luận giám định; Lời khai của người làm chứng và các T liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận:

Trịnh Văn T liên lạc với đối tượng tên Tiến (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) để mua pháo giàn 36 quả về đốt chơi tết. Khoảng 12 giờ ngày 19-12-2019, Trịnh Văn T điện thoại nhờ Phạm Văn H đi chở giúp pháo về nhà. Đến khoảng gần 14 giờ cùng ngày, T và H đi 02 xe máy đến khu vực ngã tư thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Theo chỉ dẫn của Tiến, T gặp Tiến và nhận 02 thùng cát tông. Liên lúc này H đi theo sau tới, T chỉ tay về phía 02 thùng cát tông bảo H “Chở về nhà em đi”. H đã bê 02 thùng cát tông cho lên xe chở về. Khi cả hai đi đến khu vực tổ dân phố Non Côi, thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định thì bị tổ công tác phòng PC02 – Công an tỉnh Nam Định kiểm tra, thu giữ 02 thùng cát tông bên trong mỗi thùng chứa 05 hộp chữ nhật có kích thước (14,5 x 14,5 x 15)cm có mặt dán giấy màu vàng, có mặt dán giấy màu nâu đất, bốn mặt xung quanh có nhiều màu, in chữ dạng chữ Trung Quốc.

Kết luận giám định số 1189/KTHS ngày 21-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Số vật chứng thu giữ là pháo, có đặc tính của pháo nổ (chứa thuốc pháo và khi đốt có gây ra tiếng nổ), tổng khối lượng là 14,82kg.

Do vậy, Trịnh Văn T và Phạm Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự về

tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế cụ thể là trật tự quản lý, sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán những loại hàng hóa mà Nhà nước không cho phép lưu thông trên thị trường. Việc sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán pháo nổ đã gây ra rất nhiều tác hại nguy hiểm cho xã hội, là một trong những nguyên nhân gây ra các vụ tai nạn thương tâm, làm tổn hại đến sức khỏe, làm thiệt hại đến nền kinh tế. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được tác hại của pháo nổ, biết việc vận chuyển hay đốt pháo đều là vi phạm pháp luật nhưng do coi thường pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, hành vi vi phạm của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Trịnh Văn T và Phạm Văn H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Trịnh Văn T và Phạm Văn H khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của mình; cả hai bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo H có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo H còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét thấy, bị cáo Trịnh Văn T là người trực tiếp gọi điện thoại giao dịch để mua pháo; bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy, cần ấn định cho bị cáo mức hình phạt trong khung hình phạt đã truy tố, cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian. Như vậy mới đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng chống loại tội phạm về buôn bán, vận chuyển hàng cấm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Bị cáo Phạm Văn H là anh rể của bị cáo T, chở hộ pháo cho T, không được T trả tiền công, không biết việc giao dịch mua bán pháo giữa T với Tiến, bị cáo có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức và có 02 tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối chiếu với Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 58, 65 của Bộ luật hình sự xử lý đối với bị cáo H bằng hình phạt tù nhưng chưa cần thiết phải cách ly ra khỏi xã

hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng là thoả đáng, đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Điều đó thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho người phạm tội có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo T phải nuôi 2 con nhỏ, vợ đã bỏ đi nên Hội đồng xét xử miễn khoản phạt tiền bổ sung cho các bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên toà, xét thấy: Số tiền 980.000 đồng thu giữ của Trịnh Văn T. Đây là tiền riêng của bị cáo, không có liên quan đến tội phạm nên tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen thu giữ của bị cáo H, không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo H nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 6 màu vàng thu giữ của bị cáo T, T đã sử dụng để liên lạc với đối tượng tên Tiến. Xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách Nhà nước.

01 xe máy Wave α màu trắng BKS: 18D1-55.555 thu giữ của bị cáo T. Xác định không dùng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Biển số gắn theo xe mang BKS: 18D1-55.555 là biển số giả nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Một BKS 18D1-59416 do ông Trịnh Văn K (bố đẻ T) giao nộp, qua điều tra xác định là biển số thật của xe Wave α đứng tên chủ xe là Trịnh Văn T nên trả lại cho bị cáo T.

01 xe máy Angel BKS: 18F3.3620 là xe của bị cáo H. Bị cáo H đã sử dụng để đi vận chuyển pháo nên cần tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nhà nước.

Toàn bộ số pháo thu giữ không có giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu huỷ theo quy định của pháp luật.

[6] Chiếc xe máy Wave α này T đứng tên mua trả góp và sau đó đã thế chấp xe cho Công ty T - chi nhánh Hà Nội lấy 15 triệu đồng để trả cho cửa hàng mua xe. Hiện bị cáo đã trả được tiền lãi cho Công ty T - chi nhánh Hà Nội đến khi bị bắt. Bà Đinh Thị H là mẹ đẻ bị cáo đã trả thay cho bị cáo tiền lãi phải trả tiếp theo cho Công ty T. Bà Hương cũng có đơn nhận trách nhiệm tiếp tục trả nợ hàng tháng cho Công ty T - chi nhánh Hà Nội theo như hợp đồng của T đã ký với Công ty. Công ty T - chi nhánh Hà Nội đề nghị Toà án giải quyết theo

quy định của pháp luật. Xét việc ký hợp đồng thế chấp xe giữa T với Công ty T - chi nhánh Hà Nội là quan hệ dân sự. Đến nay, bị cáo T cũng như người đại diện cho bị cáo T vẫn thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký. Do vậy, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đối tượng tên Tiến, do Trịnh Văn T không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể; Cơ quan CSĐT tách phần T liệu liên quan đến Tiến để tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp với qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T và Phạm Văn H phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19-12-2019.

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo H đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19-12-2019 đến ngày 27-12-2019).

Giao bị cáo Phạm Văn H cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T số tiền 980.000đồng.

- Tuyên tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 6 màu vàng.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T 01 xe máy Wave α màu trắng và 01 BKS 18D1-59416.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ chiếc biển số xe mang BKS: 18D1-55.555.

- Tuyên tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước 01 xe máy Angel BKS: 18F3.3620.

- Tịch thu tiêu huỷ 10 hộp pháo nổ dạng hình hộp chữ nhật có kích thước (14,5x14,5x15)cm.

(Chi tiết cụ thể theo biên bản bàn giao vật chứng số 39/20 ngày 17/4/2020 và uỷ nhiệm chi số 02 ngày 13/3/2020 giữa phòng PC02 - Công an tỉnh Nam Định với Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

3. Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn T, Phạm Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo bị cáo T, H, Công ty T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Đinh Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh ND.
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại giam Đại An; Bị cáo;
- UBND xã Yên Cường;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Thị Minh Hồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại giam Đại An; Bị cáo.
- Lưu hồ sơ; VP.

Mai Thị Minh Hồng

-Khách thể của tội phạm này là xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng hóa bị cấm.

Đối tượng tác động của tội phạm này là hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, tàng trữ, sản xuất, không cho phép lưu thông trên thị trường

Căn cứ Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt hàng cấm kinh doanh; Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/12/2008 của Bộ Công an – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, sử

dụng trái phép pháo nổ và các quy định của Bộ luật Hình sự thì hành vi nêu trên của Phương Bảo Trung đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm”. Theo kết luận giám định thì lượng pháo nổ mà bị cáo buôn bán có tổng trọng lượng 52,374 kg. Do vậy, Phương Bảo Trung phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 BLHS năm 2015.